

Số: **49/2025/QĐPT-DS**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 01 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
PHÚC THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thoa.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Tài

Bà Phan Thị Út

Thư ký phiên họp: Bà Tăng Thị Hồng Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên họp:*** Bà Nguyễn Thị Diễm – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và 14 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp phúc thẩm công khai giải quyết việc dân
sự thụ lý số 788/2024/TLPT-VDS ngày 14 tháng 10 năm 2024 về yêu cầu “Xác
định quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng tài sản để thi hành án”.

Do Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 1810/2023/QĐST-DS
ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố
Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định mở phiên họp phúc thẩm giải quyết việc dân sự số
5771/2024/QĐ-PT ngày 28 tháng 10 năm 2024, Quyết định hoãn phiên họp số
16825/2024/QĐ-PT ngày 19 tháng 11 năm 2024, Quyết định hoãn phiên họp số
17743/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố
Hồ Chí Minh – Bà Triệu Thị Diễm T

Địa chỉ: Số B đường B, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; (Có
đơn xin giải quyết vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hồ Tấn L; sinh năm: 1967; địa chỉ: Số C Chung cư P, Phường D,
Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Ông Trần Đình H, sinh năm: 1999; địa chỉ: số B đường P, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt)

2. Ông Nguyễn Thái B; sinh năm: 1961

3. Bà Văn Thị Ngọc T1; sinh năm: 1966

Cùng địa chỉ: Số A đường Đ, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Ông Nguyễn Thái B là người phải thi hành Quyết định công nhận thỏa thuận của các đương sự số 1916/2016/QĐST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Quyết định Thi hành án số 478/QĐ-CCTHADS ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, ông Nguyễn Thái B phải trả cho ông Hồ Tấn L số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng trả một lần, hạn chót là ngày 28/10/2016.

Quyết định thi hành án nêu trên đã được Chấp hành viên thông báo cho các bên đương sự biết. Hết thời gian tự nguyện thi hành án, ông Nguyễn Thái B không tự nguyện thi hành án với lý do không có việc làm, không có thu nhập, tài sản để thi hành án.

Ngày 30/11/2017, Chấp hành viên đã gửi Thông báo số 591/TB-THADS thông báo cho ông Nguyễn Thái B và bà Văn Thị Ngọc T1 về quyền khởi kiện đối với việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án là nhà đất số A đường Đ, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Tờ kê khai nhà đất năm 1999 của ông Nguyễn Thái B và bà Văn Thị Ngọc T1), nhưng ông B, bà T1 không thực hiện việc khởi kiện.

Ngày 07/5/2018, Chấp hành viên ban hành Thông báo số 1995/TB-THADS cho người được thi hành án là ông Hồ Tấn L về việc ông L có quyền yêu cầu khởi kiện tại Tòa án để xác định phần sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo quy định. Ông L có nộp đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự. Tuy nhiên, ngày 21/7/2020, ông L rút toàn bộ đơn yêu cầu việc dân sự. Ngày 24/7/2020, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh đã đình chỉ việc xét đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự thụ lý số 793/2020/TLST-DS ngày 15/6/2020 theo Quyết định số 919/2020/QĐST-VDS.

Ngày 03/9/2020, Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh nộp đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, yêu cầu Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất tại địa chỉ 1 đường Đ, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh của người phải thi hành án là ông Nguyễn Thái B trong khối tài sản chung với bà Văn Thị Ngọc T1 căn cứ vào Tờ đăng ký kê khai nhà đất năm 1999.

Trong thời hạn chuẩn bị xét đơn yêu cầu, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh đã xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ về nguồn gốc của nhà và đất tại

số A đường Đ, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; quá trình tạo lập, sử dụng, căn nhà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở, quyền sử dụng đất ở. Căn nhà trên chỉ có tờ khai đăng ký nhà đất năm 1999.

Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 1810/2023/QĐST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 27, khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 39, Điều 48, 67, 361, 367, 369, 370, 371, 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 161 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 101 Luật đất đai năm 2013, Điều 70 Nghị định số 43/2014/HĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi bổ sung năm 2014);

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận đơn yêu cầu của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh - Bà Triệu Thị Diễm T về xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án của ông Nguyễn Thái B và bà Văn Thị Ngọc T1.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh không phải nộp lệ phí.

3. Đương sự có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 (Mười) ngày kể từ ngày thông báo, niêm yết quyết định.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Hồ Tấn L là ông Nguyễn Trọng N nộp đơn kháng cáo toàn bộ Quyết định giải quyết việc dân sự số 1810/2023/QĐST-DS của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 03 tháng 11 năm 2023, ông Hồ Tấn L nộp đơn kháng cáo toàn bộ Quyết định giải quyết việc dân sự số 1810/2023/QĐST-DS của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 49/2024/QĐ-PT về việc chấp nhận việc kháng cáo quá hạn của ông Hồ Tấn L.

Tại phiên họp phúc thẩm;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Hồ Tấn L không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác so với các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp tại Tòa cấp sơ thẩm.

** Người đại diện theo ủy quyền của ông Hồ Tấn L là ông Nguyễn Đình H1 trình bày:*

Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành thu thập các tài liệu chứng cứ về quan hệ nhân thân giữa ông Nguyễn Thái B và bà Văn Thị Ngọc T1, không thu thập hồ sơ về nguồn gốc đất, các điều kiện cấp giấy chứng nhận đối với nhà đất số A đường Đ, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh hay không để từ đó xác định phần sở hữu của ông B trong khối tài sản là nhà đất nêu trên. Việc Tòa cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản phân chia tài sản chung để thi hành án đã ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Hồ Tấn L. Do đó, đề nghị Tòa cấp phúc thẩm hủy Quyết định giải quyết việc dân sự số 1810/2023/QĐST-DS ngày 13/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh Thành phố Hồ Chí Minh và trả hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại theo quy định pháp luật.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở phúc thẩm như sau:*

- Về Đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Hồ Tấn L trong hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận.

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong giai đoạn phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Ông Nguyễn Thái B là người phải thi hành án theo Quyết định thi hành án số 478/QĐ-CCTHADS ngày 29/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, theo đó ông B phải trả cho người được thi hành án là ông Hồ Tấn L số tiền 200.000.000 đồng. Quá trình xác minh điều kiện thi hành án tại Công văn 365/CNBTH ngày 02/02/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận B thể hiện nhà đất số A đường Đ, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh chưa được cấp giấy chứng nhận, theo tờ khai nhà đất năm 1999 là nhà không số (Cạnh nhà số E) Đ, Phường A, quận B. Người kê khai là ông Nguyễn Thái B và bà Văn Thị Ngọc T1. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 110 Luật Thi hành án dân sự 2008 thì “*Người phải thi hành án chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà thuộc trường hợp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc thuộc diện quy hoạch phải thu hồi đất, nhưng chưa có quyết định thu hồi đất thì vẫn được kê biên, xử lý quyền sử dụng đất đó*”. Chấp hành viên Chi cục Thi hành án quận Bình Thạnh-Bà Triệu Thị Diễm T đã có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của ông Nguyễn Thái B đối với nhà đất số A đường Đ, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện việc thi hành án. Như vậy để có căn cứ xác định quyền sở hữu của ông B đối với nhà đất chưa được cấp giấy chứng nhận trên thì

cần phải xác minh nhà đất trên ông B và bà T1 đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật đất đai hay không. Ông B khai đất do ông tự san lấp và tự khai phá. Như vậy, đất ông B kê khai có thuộc trường hợp đất công hay không, đất có nằm trong quy hoạch hay không thì Tòa cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ chỉ căn cứ vào việc ông B chưa được công nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất để bác yêu cầu của bà T là không có cơ sở.

Bên cạnh đó, qua kết quả xác minh thể hiện nhà đất trên còn có hộ bà Nguyễn Thu T2 (chủ hộ), Lê Công Trúc K (con) và Lê Công Thủy T3 (con) đăng ký hộ khẩu tại địa chỉ trên. Tuy nhiên, Tòa cấp sơ thẩm không đưa các ông bà này tham gia tố tụng để xác định những người này ở nhà đất trên với tư cách gì, họ có quyền lợi và nghĩa vụ gì liên quan đến căn nhà do ông B kê khai năm 1999 không.

Từ những phân tích trên, nhận thấy Tòa cấp sơ thẩm giải quyết vụ việc có vi phạm về tố tụng và nội dung nên đề nghị Hội đồng phiên họp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- ông Hồ Tấn L; hủy Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 1810/2023/QĐST-DS ngày 13/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh Thành phố Hồ Chí Minh để giao lại cho Tòa cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quyền yêu cầu:

Theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự thì thời hiệu yêu cầu thi hành án là 05 năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Ngày 29/11/2016, Chi cục Trưởng chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh ban hành Quyết định số 478/QĐ- CCTHADS về việc thi hành án là đúng trong thời hạn luật định.

[2] Quá trình tổ chức việc thi hành án, Chấp hành viên đã thông báo cho người phải thi hành án, người được thi hành án thực hiện các quyền tự nguyện thi hành án, tự thỏa thuận phân chia tài sản chung để thi hành nhưng các đương sự không thực hiện trong thời hạn 30 ngày theo quy định tại đoạn 2 Điều 74 của Luật Thi hành án dân sự; không yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong thời hạn 15 ngày theo quy định tại đoạn 3 Điều 74 của Luật Thi hành án dân sự. Do đó Chấp hành viên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết, đúng theo quy định tại khoản 9 Điều 27 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Tấn L về việc xác định phần quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất của Nguyễn Thái B trong nhà đất số A đường Đ, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ khoản 1 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi bổ sung năm 2014), ông Hồ Tấn L đã nộp đơn yêu cầu yêu cầu giải quyết việc dân sự đến Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh để xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất tại địa chỉ số A Đ, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cho người phải thi hành án là ông Nguyễn Thái B –trong khối tài sản

chung với bà Văn Thị Ngọc T1 (Theo tờ đăng ký nhà đất ngày 23/12/1999). Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh đã có thông báo thụ lý số 1990/2020/TLST-VDS ngày 02/12/2020. Tại văn bản số 1293/CNBTH ngày 18/4/2017 thì việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu được thực hiện theo quy định tại Điều 101 Luật đất đai năm 2013, Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai. Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh đã có bản vẽ hiện trạng nhà đất trên và đã được phòng quản lý đô thị kiểm tra nội nghiệp, căn nhà trên thuộc quy hoạch dân cư hiện hữu. Do vậy, Chấp hành viên đề nghị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xác định tài sản của ông Nguyễn Thái B trong khối tài sản chung là căn nhà và đất tại địa chỉ 1 Đ, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh để có cơ sở tổ chức thi hành Quyết định số 1916/2016/QĐST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh theo thủ tục tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Công văn số 365/CNBTH ngày 02/02/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H và xác nhận của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan-ông Nguyễn Thái B thì nhà đất số A đường Đ, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở. Theo tờ kê khai nhà đất năm 1999 là nhà không số cạnh nhà số E) đường Đ, Phường A, quận B, người kê khai là ông Nguyễn Thái B và bà Văn Thị Ngọc T1.

Căn cứ vào Công văn số 1293/CNBTH ngày 18/4/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H trả lời Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh thì việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu được thực hiện theo quy định tại Điều 101 Luật đất đai năm 2013, Điều 70 Nghị định số 43/2014/HĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

Tại biên bản làm việc lập ngày 29/8/2023, ông Nguyễn Thái B cho rằng hiện căn nhà số A đường Đ, phường A, quận B là nhà của ông B và bà Văn Thị Ngọc T1 nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở. Do căn nhà này của ông đang bị cơ quan Thi hành án có quyết định tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản số 52/QĐ-CCTHADS ngày 07/12/2016 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án quận Bình Thạnh nên căn nhà nêu trên ông chưa được cấp giấy theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại Khoản 16 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013 thì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là chứng thư pháp lý để Nhà nước xác nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất hợp pháp của người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất. Hiện nay nhà và đất tại địa chỉ số A đường Đ, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Nguyễn Thái B có đăng ký hộ khẩu thường trú nhưng không thực tế cư trú tại địa chỉ nêu trên mà do người khác đang quản lý sử dụng (Theo trả lời xác minh

của Công an P, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 23/5/2022). Nhà đất nêu trên chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất. Các đương sự không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nhà đất tại địa chỉ nêu trên thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Nguyễn Thái B. Do đó, Tòa cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà Triệu Thị Diễm T là có căn cứ.

Ông Hồ Tấn L kháng cáo cho rằng Tòa cấp sơ thẩm không tiến hành thu thập các tài liệu chứng cứ về quan hệ nhân thân giữa ông Nguyễn Thái B và bà Văn Thị Ngọc T1, không thu thập hồ sơ về nguồn gốc đất, các điều kiện cấp giấy chứng nhận đối với nhà đất số A đường Đ, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh hay không để từ đó xác định phần sở hữu của ông B trong khối tài sản là nhà đất nêu trên là vi phạm thủ tục tố tụng.

Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng để có căn cứ xác định quyền sở hữu của ông B đối với nhà đất chưa được cấp giấy chứng nhận trên thì cần phải xác minh nhà đất trên ông B và bà T1 đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật đất đai hay không. Ông B khai đất do ông tự san lấp và tự khai phá, có thuộc trường hợp đất công hay không, đất có nằm trong quy hoạch hay không thì Tòa cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ chỉ căn cứ vào việc ông B chưa được công nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất để bác yêu cầu của bà T là không có cơ sở. Bên cạnh đó, qua kết quả xác minh thể hiện nhà đất trên còn có hộ bà Nguyễn Thu T2 (chủ hộ), Lê Công Trú K (con) và Lê Công Thủy T3 (con) đăng ký hộ khẩu tại địa chỉ trên nhưng Tòa cấp sơ thẩm không đưa các ông bà này tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là vi phạm thủ tục tố tụng. Từ đó, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Tấn L, hủy Quyết định giải quyết việc dân sự của Tòa cấp sơ thẩm.

Hội đồng xét xử nhận thấy: yêu cầu của Chấp hành viên là yêu cầu việc dân sự. Chấp hành viên Thi hành án quận B chỉ yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất cho người phải thi hành án là ông Nguyễn Thái B trong nhà đất số A đường Đ, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong hồ sơ giải quyết việc dân sự, không có đương sự nào (ông B, bà T1, ông L...) tranh chấp về quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với nhà đất nêu trên. Tại Công văn số 365/CNBTH ngày 02/02/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H và xác nhận của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thái B thể hiện nhà đất nêu trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất mà chỉ có duy nhất tờ khai nhà đất năm 1999 của ông Nguyễn Thái B và bà Văn Thị Ngọc T1 (là nhà không số cạnh nhà số E) đường Đ, Phường A, quận B, người kê khai là ông Nguyễn Thái B và bà Văn Thị Ngọc T1.

Khoản 5 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: Đương sự có nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Chấp hành viên Thi hành án quận B chỉ yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở

hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Thái B tại địa chỉ 1 đường Đ, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh để thi hành án. Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thụ lý việc dân sự xem xét đơn yêu cầu của Chấp hành viên là đúng quy định tại Khoản 9 Điều 27 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Yêu cầu của Chấp hành viên chỉ là yêu cầu xác định một sự kiện pháp lý, các đương sự phải có nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh nhà đất tại địa chỉ 1 đường Đ, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông B, bà T1, từ đó mới có cơ sở xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của ông B trong khối tài sản chung nêu trên để thi hành án, Khi giải quyết việc dân sự, Tòa án chỉ thu thập chứng cứ khi xét thấy cần thiết.

Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng phiên họp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- ông Hồ Tấn L; Hủy Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 1810/2023/QĐST-DS ngày 13/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh Thành phố Hồ Chí Minh là có không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Tuy nhiên, Tại phần quyết định của Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 1810/2023/QĐST-DS, Tòa cấp sơ thẩm đã tuyên: *Không chấp nhận đơn yêu cầu của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh - Bà Triệu Thị Diễm T về xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án của ông Nguyễn Thái B và bà Văn Thị Ngọc T1*, là chưa chính xác đối với yêu cầu của người yêu cầu tại Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự nộp ngày 04/9/2020 của Chấp hành viên chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh-Bà Triệu Thị Diễm T nên Tòa cấp phúc thẩm sửa lại cho chính xác.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng phiên họp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- ông Hồ Tấn L; Giữ nguyên Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 1810/2023/QĐST-DS ngày 13/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự:

[4.1] Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 11 của nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

[4.2] Lệ phí giải quyết việc dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo-ông Hồ Tấn L phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự phúc thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do kháng cáo của ông L không được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 269, Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 161 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 101 Luật đất đai năm 2013, Điều 70 Nghị định số 43/2014/HĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi bổ sung năm 2014);

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- ông Hồ Tấn L; Giữ nguyên Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự Số 1810/2023/QĐST-DS ngày 13/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Không chấp nhận yêu cầu của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh - Bà Triệu Thị Diễm T về xác định phần quyền sở hữu, quyền sử dụng đất tại nhà đất số A đường Đ, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cho người phải thi hành án là ông Nguyễn Thái B trong khối tài sản chung với bà Văn Thị Ngọc T1 để thi hành án.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự:

2. 1. Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh không phải nộp lệ phí.

2.2. Lệ phí giải quyết việc dân sự phúc thẩm: Ông Hồ Tấn L1 phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự phúc thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền lệ phí tạm ứng việc dân sự phúc thẩm ông L1 đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0028960 ngày 26/8/2024 Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Hồ Tấn L đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự phúc thẩm.

3. Quyết định phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ban hành quyết định.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Tài

Phan Thị Út

Nguyễn Thị Thoa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, TP.HCM;
- Chi cục THADS quận Bình Thạnh, TP.HCM;
- Cục Thi hành án TP.HCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG PHIÊN HỢP
VIỆC DÂN SỰ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỢP**



Nguyễn Thị Thoa